TAND HUYỆN V H **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HS-ST
Ngày 16 tháng 5 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V H, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mùi Văn Hoạt và ông Quách Công Cầm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyệnVH tham gia phiên tòa:*** Ông Tưởng Phi Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Chí C, sinh năm 1990, tại Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Xóm N T, xã T C, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Quang H và bà Lê thị H; bị cáo có là Đào Mai Lvà 01 con.

Tiền án, Tiền sự: không.

Bị bắt từ ngày 24/01/2019 cho đến nay. Có mặt.

- *Người có QLNVLQ:* Anh Dương Văn T, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn H T, xã Q M, huyện H H, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* chị Trần Mỹ L, sinh năm 1987, địa chỉ: Tiểu Khu 32, thị trấn N tr M C, huyện M Ch, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 08 giờ 30 ngày 24/01/2019 Công an huyện VH nhận được tố giác của chị Trần Mỹ L về việc Nguyễn Chí C nhờ báo cho Công an huyện VH biết việc anh Dương Văn T (lái xe cùng với C) tàng trữ trái phép chất ma túy trong áo khoác màu đen để trên giá để đồ của xe khách.

Khoảng 11 giờ ngày 24/01/2019, Tổ công tác Công an huyện VH dừng xe khách BKS 20B – 012.63 do Dương Văn T điều khiển đến địa phận bản Co Chàm, xã Lóng Luông, huyện VH. Quá trình kiểm tra phát hiện trên giá để đồ của xe 01 chiếc áo khoác màu đen, tại vạt áo có 02 viên nén màu hồng, trên bề mặt đều có ký hiệu nổi WY nghi là Hồng phiến. Dương Văn T thừa nhận đó là áo khoác của mình, nhưng không biết số viên Hồng đó là của ai, ai cho vào. Cơ quan điều tra niêm phong vật chứng, tạm giữ của Nguyễn Chí C 02 điện thoại di động, yêu cầu Nguyễn Chí C và Dương Văn T về Cơ quan điều tra để xử lý.

Cùng ngày, Tại Cơ quan điều tra tiến hành cân tịnh, xác định 02 viên nén màu hồng có khối lượng 0,21 gam, lấy 01 viên có khối lượng 0,10 gam làm mẫu gửi giám định, ký kiệu C.

Kết luận giám định số 278/KLMT ngày 27/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận *"Mẫu gửi giám định ký hiệu C là ma túy; Loại Methamphetamine; Tổng khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,10 gam; Tổng khối lượng ma túy thu giữ được là 0,21 gam, Loại Methamphetamine"*

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Chí C khai nhận: Nguyễn Chí C và Dương Văn T đóng cổ phần mua chiếc xe ô tô BKS 20B – 012.63 chở khách tuyến Thái Nguyên – Sơn La. Ngày 13/01/2019 hai bên xảy ra mâu thuẫn, Nguyễn Chí C tìm cách trả thù bằng việc tìm và hỏi mua được của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ ở gần bến xe Thái Nguyên 02 viên Hồng Phiến với giá 500.000 đồng. Sau đó, C nhờ người này cho ma túy vào áo khoác của anh T đang để trên giá để đồ. Công lại lấy ma túy nhét vào chỗ rách, rồi lắc cho hai viên ma túy rơi xuống vạt áo rồi điều khiển xe lên Sơn La. Đến cầu Vát, thuộc huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, C đón anh T cùng lên Sơn La. Đến huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình, C để anh T lên điều khiển xe. Trên đường đi, C gọi điện nhờ Trần Mỹ L báo với Cơ quan công an vu khống việc anh Dương Văn T tàng trữ trái phép chất ma túy. Qua kiểm tra, Cơ quan điều tra Công an huyện VH đã thu giữ được hai viên ma túy mà C đã cho vào áo khoác của anh Dương Văn T.

Cơ quan điều tra tiến hành test thử ma túy, Kết quả: Nguyễn Chí C dương tính với ma túy, Dương Văn T âm tính với ma túy.

Quá trình điều tra, xác minh, anh Dương Văn T không yêu cầu cơ quan điều tra xử lý đối với hành vi vu khống của Nguyễn Chí C theo quy định tại điều 156 Bộ luật hình sự. Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý về hình sự đối với tội Vu khống của Nguyễn Chí C.

Chị Trần Mỹ L là người tố giác tội phạm, nhưng không biết động cơ, mục đích của Nguyễn Chí C và không liên quan đến tội phạm của Nguyễn Chí C, Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý.

Cáo trạng số 34/CT – VKS ngày 22/4/2019 của VKSND huyện VH, truy tố Nguyễn Chí C về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 điều 249 BLHS. Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét: Tuyên bố Nguyễn Chí C phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy

* Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt: Nguyễn Chí C từ 12 đến 15 tháng tù.

+ Không phạt bổ sung đối với bị cáo; áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu để tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 0,11 gam Methamphetamine và vỏ gói niêm phong ban đầu, 02 phong bì niêm phong bên trong đựng que thử ma túy đối với Nguyễn Chí C và Dương Văn T.

+ Trả lại bị cáo 02 điện thoại di động.

+ Trả lại anh Dương Văn T 01 áo khoác màu đen đã qua sử dụng.

+ Bị cáo Nguyễn Chí C phải chịu án phí HSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nguyễn Chí C nghiện ma túy. Do thù tức cá nhân, đã mua và tàng trữ 02 viên Hồng Phiến, khối lượng 0,21 gam với giá 500.000 đồng, sau đó nhét vào áo khoác của anh Dương Văn T, mục đích vu khống cho anh T phạm tội về ma túy, thì bị Cơ quan điều tra đấu tranh, phát hiện tội phạm. Hành vi mua và tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 BLHS. Hành vi bỏ ma túy vào áo khoác của anh Dương Văn T, mục đích vu khống anh T phạm tội có dấu hiệu cấu thành tội Vu khống, được quy định tại điều 156 BLHS. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra xác minh, anh Dương Văn T không yêu cầu xử lý đối với Nguyễn Chí C. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý về tội Vu khống đối với Nguyễn Chí C là có căn cứ.

[2] *Tính chất hành vi của bị cáo:* Bị cáo phạm tội nghiêm trọng xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma tuý. HĐXX xét thấy, việc khởi tố, truy tố của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo nghiện ma túy, gây nguy hiểm cho xã hội, cần xử phạt tù tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có bà nội là người có công với cách mạng, nên được xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS.

[4]*Về phạt bổ sung:* Xét thấy bị cáo nghiện ma tuý, không có khả năng thi hành, nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]*Vật chứng của vụ án:* 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 0,11 gam Methamphetamine và vỏ gói niêm phong ban đầu, 02 phong bì niêm phong bên trong đựng que thử ma túy đối với Nguyễn Chí C và Dương Văn T là những vật bị cấm lưu hành hoặc không có giá trị sử dụng, cần tuyên tịch thu để tiêu hủy.

+ 01 phong bì niêm phong, bên trong đựng điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6 màu đen xám; 01 phong bì niêm phong, bên trong đựng điện thoại di động của Nguyễn Chí C là những tài sản không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo, cần tuyên trả lại cho bị cáo.

+ 01 áo khoác màu đen đã qua sử dụng thuộc quyền sở hữu của anh Dương Văn T, không liên quan đến việc phạm tội, cần tuyên trả lại anh Dương Văn T.

[6]*Về nguồn gốc chất ma túy:* Người đàn ông bị cáo không biết tên, địa chỉ, đã bán ma túy cho bị cáo. Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

[7] Chị Trần Mỹ L, người tố giác tội phạm, nhưng không biết động cơ, mục đích của Nguyễn Chí C, và anh Dương Văn T là người mà Nguyễn Chí C muốn làm hại, đều không liên quan đến tội phạm của Nguyễn Chí C. Cơ quan điều tra Công an huyện VH không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự 2015;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí C phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt: Nguyễn Chí C 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/01/2019.

Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng các điểm c khoản 1 điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu để tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 0,11 gam Methamphetamine và vỏ gói niêm phong ban đầu, 02 phong bì niêm phong bên

trong đựng que thử ma túy đối với Nguyễn Chí C và Dương Văn T.

+ Trả lại bị cáo 02 điện thoại di động (trong đó 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 6 màu đen xám).

+ Trả lại anh Dương Văn T 01 áo khoác màu đen đã qua sử dụng.

Theo biên bản giao vật chứng số: 59/BBVC, ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VH.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có QLNVLQ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA** **HỘI THẨM NHÂN DÂN**

Mùi Văn Hoạt **Nguyễn Đăng Quang** **Quách Công Cầm**

Nơi nhận:

- TAT
- VKS tỉnh, huyện
- CA huyện, CQ THAHS
- THADS
- Sở TP
- Trại Giam
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Quang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6)ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thânghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên,

địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)